TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 236/2025/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 13 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2025/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1981;

2. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số B, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà Y tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2001 năm 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau.

Nay ông T, bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phạm Thị Bích T1, sinh ngày 30/07/2002; cháu Phạm Thanh T2, sinh ngày 22/2/2007 và cháu Phạm Gia H, sinh ngày 27/07/2009. Ông T và bà Y thỏa thuận giao cháu H cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu T2 cho bà Y trực tiếp chăm sóc, tạm thời không yêu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T1 đã đủ tuổi trường thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông T, bà Y khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông T, bà Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Ông T, bà Y mỗi người phải chịu lệ phí theo quy định.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 27/07/2009 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Thanh T2, sinh ngày 22/2/2007 cho bà Nguyễn Thị Kim Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao. Tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phạm Thị Bích T1, sinh ngày 30/07/2002 đã đủ tuổi trường thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông T, bà Y không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông T, bà Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông T, bà Y đã nộp tại biên lai thu số 0005733 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Tuấn